

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2/ Bà Vương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1987; HKTT: Ấp P, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Mỹ C, sinh năm 1982; HKTT: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có mặt, bị đơn ông Lê Mỹ C có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 01/3/2018; bản tự khai ngày 01/3/2018; biên bản làm việc ngày 05/4/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/4/2018 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông C chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo

quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi lẫn nhau, giữa vợ chồng chung sống không còn tình cảm, không có hạnh phúc, đã sống ly thân khoảng 03 năm. Hiện nay, bà N thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà N và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Lê Mỹ U, sinh ngày 30/3/2008. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà N cung cấp: Bản sao giấy chứng minh nhân dân của nguyên đơn; bản sao Sổ hộ khẩu ; bản tự khai của nguyên đơn; bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Lê Mỹ U

Ngoài ra, bà N không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 05/4/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/4/2018, bị đơn ông C trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông C thống nhất ý kiến với bà N về quá trình chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông C đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, ông C và bà N có 01 con chung tên Nguyễn Lê Mỹ U, sinh ngày 30/3/2008. Khi ly hôn, ông C đồng ý giao con chung cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ ông C cung cấp: Bản tự khai ngày 05/4/2018, đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 05/4/2018.

Ngoài ra, ông C không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 05/4/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/4/2018 và tại phiên tòa con chung Nguyễn Lê Mỹ U trình bày:**

Ba và mẹ chung sống thường xuyên cãi vã với nhau, nếu ba và mẹ ly hôn thì cháu U có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà N.

*** Kết quả xác minh của Tòa án:**

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh chính quyền địa phương tại nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông C, đã xác

định được: Quá trình chung sống tại địa phương bà N và ông C không thấy xảy ra mâu thuẫn gì vì gia đình không trình báo. Hiện, ông C vẫn còn sinh sống tại ấp Đ, xã M, huyện D nhưng thường đi làm xa không có ở nhà còn bà N chuyển đi đâu địa phương không biết. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, địa phương không biết.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà N, bị đơn ông C có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, không công nhận bà N và ông C là vợ chồng và giao con chung cho bà N được nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà N có mặt, bị đơn ông C đã có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/4/2018. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông C thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Việc vắng mặt của bị đơn ông C là có đơn yêu cầu, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà N khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung với ông C, theo đó bà N yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Mỹ U, sinh ngày 30/3/2008. Ông C đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên đương sự có hộ khẩu và đang sinh sống tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông C chung sống với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền. Bà N và ông C chung sống nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên không pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà N và ông C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp tính tình nên thường xuyên xảy ra gây gổ, hai bên đã sống ly thân khoảng 03 năm. Hiện, bà N thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn và ông C đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử

thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà N và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất với ý kiến của các đương sự và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông C theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa bà N và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Lê Mỹ U, sinh ngày 30/3/2008. Bà N và ông C thống nhất thỏa thuận, bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà N tự nguyện không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến thỏa thuận của các bên đương sự là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N và ông C không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát* : Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[5] *Án phí*: Nguyên đơn bà N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Lê Mỹ C, xử lý cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim N với ông Lê Mỹ C.

1.2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Kim N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Mỹ U, sinh ngày 30/3/2008. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu ông Lê Mỹ C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011485 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 10/5/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã L, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng